TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trường Tam

2. Ông Trần Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2024/TLST–HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Bé B, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Bé B trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng M tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 01/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 15 năm, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không đồng quan điểm sống, tính cách nên thường xảy ra cãi nhau. Bà không thể tiếp tục chung sống với ông M nên năm 2019 bà về sống với mẹ ruột của bà và vợ chồng bà chính thức sống ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân, bà chỉ gặp và liên lạc với các con, chứ vợ chồng bà không gặp hay liên lạc nhau. Nay bà thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông M. Về con chung: bà và ông M có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 02/6/2002 và Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 27/4/2004. Các con chung đã trưởng thành, bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng M đã được Tòa án cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Phạm Bé B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Hồng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Bé B và ông Nguyễn Hồng M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2002, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà Phạm Bé B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng M do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2018. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhằm tạo điều kiện cho bà B và ông M tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông M vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà B. Còn bà B kiên quyết ly hôn với ông M. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà B đối với ông M.

[4] Về con chung: Bà B và ông M có 02 người con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 02/6/2002 và Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 27/4/2004. Các con chung đều đã thành niên, bà B và ông M không yêu cầu gì nên không xét.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà B trình bày bà và ông M không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn ông M không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Bà Ba phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Bé B đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng M.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Bé B và ông Nguyễn Hồng M.

Về con chung: Bà Phạm Bé B và ông Nguyễn Hồng M có 02 người con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 02/6/2002 và Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 27/4/2004. Các con chung đều đã thành niên, bà B và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm B1 Ba phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013142 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, bà B đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Long Hậu, huyện C (Giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 01/7/2002);
- Lưu: VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Minh Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**